

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 02)

ISSN: 2734-9195 09:10 12/01/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 02.

Phần 1. Phẩm thể chủ diệu nghiêm thứ nhất

Thế giới có thành, trụ, hoại, không, bốn trung kiếp. Một trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Kiếp là đơn vị tính thời gian theo quy ước của người dân Ấn Độ cổ đại, lại cũng dịch là “tai nạn”. Cuối thời kỳ diệt kiếp của mỗi tiểu kiếp ở trong trụ kiếp, có ba tai nạn nhỏ: 1, Nạn đói. 2, Nạn dịch bệnh. 3, Nạn binh đao. Thời kỳ bây giờ là diệt kiếp, trong tiểu kiếp thứ chín của trụ kiếp. Lúc Phật Thích ca ra đời thì tuổi thọ con người là một trăm tuổi. Từ khi đức Phật vào Niết Bàn gần khoảng 3 ngàn năm, cho nên bây giờ tuổi thọ con người khoảng 80 tuổi. Nếu qua bốn ngàn năm thì tuổi thọ con người giảm còn ba mươi tuổi thì sẽ bắt đầu phát sinh ba tai nạn nhỏ.

Nạn đói

Thời xưa đại địa thanh tịnh, nhân dân hòa lạc, sau đó từ từ phát sinh các điều ác như: giết hại, trộm cắp, tà dâm và nói dối, đợi đến khi tuổi thọ con người còn khoảng ba mươi tuổi, thì tâm con người chẳng như xưa, tà kiến điên đảo làm đủ mười điều ác. Trải qua thời gian dài thì loài người chết đói phân nửa, đó là nạn đói.

Nạn dịch bệnh

Tuổi thọ con người, vào khoảng hai mươi tuổi, thì tâm con người ác cực điểm, bèn phát sinh đại dịch, ai cũng bị bệnh, chẳng có thuốc trị. Dịch bệnh này truyền nhiễm nhanh chóng, xương khô phơi đầy đồng, trải qua thời gian, nhân loại chết gần hết, chỉ còn một phần nhỏ.

Nạn đao binh

Khi tuổi thọ con người còn khoảng 10 tuổi, thì thân cao chỉ được 1 thước. Kiếp diệt thì một tuổi giảm một tấc, kiếp tăng thì một tuổi tăng lên một tấc. Thời đại này con người chẳng còn hiếu kính, giết hại lẫn nhau, không cha mẹ, không vợ chồng, không con cái, không nhìn nhận lục thân quyến thuộc. Vì nghiệp lực sở cảm, ai ai cũng cho rằng mình không giết chết họ thì họ sẽ giết chết mình. Cho nên thấy người là chém giết. Con người chẳng còn bấy nhiêu. Những số người ít ỏi thì sợ hãi, trốn vào rừng sâu núi thẳm, cảm thấy tủi hổ.

Khi tai nạn qua rồi, loài người từ từ trở lại cuộc sống xã hội, biết hổ thẹn, biết sợ hãi, cải ác làm lành, có quan niệm luân lý, đạo đức, từ bi, nhân quả. Loài người dần dần tăng trưởng hướng thượng, ai ai cũng hòa bình, nói chuyện nhân nghĩa, nói đạo đức, cảm tình dung hợp, chẳng có tư tưởng ích kỷ tư lợi, chẳng có hành vi xấu ác. Lúc bấy giờ sinh sống an định, cơm no áo ấm, ai ai cũng có tâm từ bi hỷ xả - bốn vô lượng tâm. Ai ai cũng tin chân lý nhân quả báo ứng.

Pháp tính về kiếp số

Bắt đầu từ tuổi thọ con người, mỗi một trăm năm thì tăng thêm một tuổi, tăng đến bốn vạn tám ngàn tuổi thì dừng. Rồi lại cứ một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm đến mười tuổi thì ngừng. Một tăng, một giảm như vậy được gọi là một tiểu kiếp. Một trung kiếp thì bằng 20 lần tiểu kiếp. Trải qua 4 lần trung kiếp thì bằng 1 đại kiếp. Thế giới hình thành: Trong 20 tiểu kiếp không, thì thế giới chẳng có gì. Đến khi kiếp thành thì đầu tiên trời đổ mưa to, từ từ hết mưa, nước rút, gió thổi to mà thành thế giới. Thế giới thành thì có chúng sinh và thực vật sinh trưởng, dần dần có bộ lạc, có văn hóa, có quốc gia, có chiến tranh. Từ trụ kiếp diễn biến đến hoại kiếp; hoại kiếp qua rồi thì kiếp không; kiếp không qua rồi thì đến kiếp thành. Cứ hết rồi lại bắt đầu, tuần hoàn không ngừng.

Pháp thánh nhân

Tức là pháp bốn thánh pháp giới:

- 1, Pháp giới của Phật: Một thừa pháp chân thật, pháp chân không diệu hữu trung đạo đệ nhất nghĩa.
- 2, Pháp giới của Bồ tát: Pháp lục độ vạn hạnh.
- 3, Pháp giới của Duyên giác: Pháp mười hai nhân duyên.
- 4, Pháp giới của Thanh văn: Pháp bốn Diệu Đế. Đó đều là pháp tu hành của các bậc Thánh nhân, pháp giáo hóa chúng sinh.

Niết bàn

Niết bàn có 3 thứ:

- 1, Hữu dư Niết bàn: Là Niết bàn của các bậc A La Hán đắc được.
- 2, Vô dư Niết bàn: Là Niết bàn của Bồ tát đắc được.
- 3, Cứu kính Niết bàn: Là Niết bàn của chư Phật đắc được.

Báo thân phàm phu của chúng ta là: vô thường, khổ, không, vô ngã. Đây là bốn sự khổ. Pháp thân của chư Phật là: thường, lạc, ngã, tịnh. Bốn sự vui. Mục đích chúng ta học Phật pháp là lìa khỏi bốn sự khổ của báo thân, mà đắc được bốn sự vui của pháp thân. Cơ bản luân lý của Phật giáo tức là chân không và diệu hữu. Tiểu thừa nói về có, đại thừa nói về không, rơi vào sự thấy hai bên có và không. Cuối cùng Phật nói trung đạo chân không diệu hữu, không thiên về có, cũng không thiên về không, khiến cho chúng sinh không chấp trước. Trong không, có cái có, trong có, có cái không. Không, có chẳng hai. Trong Tâm kinh có nói:

*"Sắc chẳng khác không
Không chẳng khác sắc
Sắc tức là không,
Không tức là sắc."*

Thần thông của Phật là vô tận, cho nên nói thần thông biến trí tuệ, giống như biển cả chẳng có bờ mé. Trong kinh Phật thường dùng chữ “biển” để hình dung nghĩa lý rộng lớn. Thần thông có sáu thứ: 1, Thiên nhãn thông. 2, Thiên nhĩ thông. 3, Tha tâm thông. 4, Túc mạng thông. 5, Thần túc thông. 6, Lậu tận thông

Trí tuệ có hai thứ: 1, Căn bản trí tức là trí tuệ tiên thiên. 2, Hậu đắc trí tức là trí tuệ hậu thiên.

Một là từ trong thiên định mà đắc được, tiên thiên trí. Một là từ trong kinh nghiệm đắc được, hậu thiên trí. Xưa kia Như Lai tu, một vị thiên vương hỏi rằng Ngài tu các công đức gì? Như Lai đáp là cúng dường vô lượng các đức Phật. Đức Phật Thích ca tại nhân địa tu hành, gặp đức Phật Nhiên Đăng ra đời, Ngài cúng dường năm cành hoa sen và dùng tóc trải dưới bùn, thỉnh đức Phật bước qua, cho nên được thọ ký vị lai sẽ thành Phật. Cúng dường mới là y giáo phụng hành, y pháp tu hành mới có công đức. Một số người cho rằng trang nghiêm đạo tràng, cúng dường pháp cụ, hương đèn hoa quả, thì có công đức. Tuy nhiên, có công đức mà là công đức nhỏ. Vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Bồ đề Đạt Ma:

- “Tôi tạo rất nhiều chùa, biên chép rất nhiều kinh, luận. Độ rất nhiều tăng, ni, có công đức gì chăng?”

Tổ Đạt Ma đáp: “Chẳng có công đức gì hết”.

- “Tại vì sao?”

Vì công đức này là quả báo nhỏ ở cõi trời, cõi người. Là nhân hữu lậu, là nhân thế tục, giống như bóng theo hình, xem thì có nhưng thực tế là hư vọng.

- “Vậy chân công đức là gì?”

Công đức chân chính là trí tuệ thuần tịnh, thần diệu, và viên dung, bản tính của nó là không tịch. Công đức này chẳng phải dùng phương pháp thế tục mà có được. Là gốc tâm tin nghiệp thanh tịnh. Cúng dường mười phương chư Phật, là dùng gốc để sinh ra tâm tin, thì tu gì cũng đều là nghiệp thanh tịnh, mà chẳng phải là nghiệp nhiễm ô. Tức cũng là thân thanh tịnh, miệng thanh tịnh, ý thanh tịnh, ba nghiệp thanh tịnh chẳng có 1 chút nhiễm ô. “Thân Phật vô tướng là cấu nhiễm”. Pháp thân của Phật là khắp pháp giới. Tuy đầy khắp pháp giới, nhưng chẳng có hình tướng. Vì chẳng có hình tướng, mới đầy khắp pháp giới. Nếu có hình tướng thì có giới hạn, có bờ mé. Vì vô hình tướng cho nên tất cả trần cấu chẳng nhiễm ô. Nếu như có hình tướng thì sẽ có trần cấu. Vô tướng thì tự nhiên chẳng dính bụi trần.

Trần cấu là gì?

Trần cấu này chẳng phải trần cấu có hình tướng, mà là vô minh phiền não cấu, tức cũng là khởi vọng tưởng. Phàm là trong tâm chẳng thanh tịnh, tư tưởng không chân chính, đều là hiện tượng của sự dơ bẩn. Đức Phật thì chẳng còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Bốn tướng này đều không, muốn có trần cấu cũng chẳng có được. Cho nên nói là cấu nhiễm, tức cũng là là tất cả pháp ô nhiễm. “Thường trụ từ bi thương chúng sinh”. Thường trụ đại từ, đại từ là thương xót chúng sinh. Luôn luôn phát nguyện đại bi, nguyện cứu thoát chúng sinh, khiến chúng sinh là khỏi sự khổ trong tam giới, đắc được sự vui sướng Niết bàn. “Thế gian ưu hoạn thấy tiêu trừ”. Thế gian tức là thế giới, ưu hoạn tức là ưu sầu hoạn nạn. Ưu hoạn thế giới này quá nhiều. Vì quá nhiều cho nên chúng sinh ở trong biển ưu hoạn, chìm đắm không ngộ. Song, Phật dùng tâm từ bi, tâm thương xót để giải thoát ưu hoạn, khiến cho không tồn tại nữa.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Phần 2. "Phật", "Bồ tát" và con đường của bậc Thánh

Phật là bậc Đại giác. Ai chân chính giác ngộ viên mãn thì người đó là Phật. Nếu ai còn hồ đồ thì người đó là chúng sinh. Do đó, biết chúng sinh và Phật khác biệt giữa mê và giác. Mê là chúng sinh, giác là Phật, Lục Tổ Huệ Năng nói: “Pháp vốn chẳng đốn tiệm, Mê ngộ có sớm muộn.” Nghĩa là pháp bốn thể chẳng có đốn và tiệm. Đốn pháp là do tiệm mà thành đốn, tiệm pháp là do đốn mà thành tiệm. Chỉ là chúng sinh mê và giác, có sớm có muộn, bất quá là thời gian sớm muộn mà thôi. Thần thông lực của Phật là gì? Tức là ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông:

Ba thân là: Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân. Bốn trí là: Thành sở tác trí, Diệu quán sát trí, Bình đẳng tính trí, Đại viên cảnh trí. Năm nhãn là: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Pháp nhãn, Huệ nhãn, Phật nhãn. Sáu thông là: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông và Lậu tận thông.

Phật ở trong 1 niệm, hiện khắp cõi nước chư Phật trong mười phương, đi giáo hóa chúng sinh. Phật nói kinh Hoa Nghiêm, tuy là ngồi dưới cội Bồ đề nhưng pháp thân đến mọi cõi nước, đồng thời nói giáo lý viên đốn. Phật Thích ca trong quá khứ, khi còn tại nhân địa, trải qua vô lượng vô biên số đại kiếp, vì đại kiếp quá nhiều, giống như biển, không cách chi tính được con số chắc chắn, nên gọi

là biển đại kiếp. Trong lúc đó, đức Phật khéo nói tất cả nghĩa các bậc. Đất dùng sinh trưởng làm nghĩa, vạn vật đều từ đất sinh trưởng lên. Bậc nghĩa là từ bậc phàm phu mà đạt đến bậc Thánh nhân. Ở trong khoảng giữa này, phải trải qua thời gian rất dài, mới có thể thành tựu địa vị Thánh nhân, cho nên bậc nghĩa là: Dùng đủ thứ phương tiện để giảng nói. Sở thuyết pháp phương tiện chẳng có bờ mé, nói không hết được, nói ngang nói dọc, cũng nói chẳng hết được.

Tất cả Bồ tát muốn thành Phật, trước hết đều phải ở cung trời Đâu Suất, đợi cơ duyên chín mùi, sẽ hàng sinh xuống nhân gian hậu bổ Phật vị, giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui. Bây giờ Bồ tát Di Lặc, đang ở tại cung trời Đâu Suất, đợi tương lai sẽ đến thế giới này thành Phật, làm giáo chủ. Khi nào Bồ tát Di Lặc mới thành Phật? Bây giờ là trụ kiếp, kiếp thứ chín của kiếp giảm. Tuổi thọ của con người khoảng bảy, tám mươi. Mỗi một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm đến mười tuổi thì mới tăng thêm tuổi thọ, cũng là một trăm năm tăng lên một tuổi. Tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì mới giảm, giảm xuống tuổi thọ con người còn tám vạn tuổi, thì Bồ tát Di Lặc bèn cười voi trắng sáu ngà, từ cung trời Đâu Suất hàng sinh nhân gian, giáo hóa chúng sinh.

Đại oai lực của Phật, là do đức hạnh tích tập nhiều kiếp mà thành tựu. Bốn lai thế giới này sẽ hư hoại, nhưng đức Phật dùng đại oai thần lực, bảo trì cho thế giới được bình an, và còn diễn nói đủ thứ pháp lành, dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa chúng sinh, làm cho chúng sinh giác ngộ, biết khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn. Có nghĩa là biển khổ mê mông, quay đầu là bờ. Chư Phật hiện tất cả thần thông diệu dụng, khiến cho căn tính chúng sinh và bản tính thanh tịnh không còn ô nhiễm. Không những thân thanh tịnh mà tâm cũng thanh tịnh. Chúng sinh có căn lành là do trong kiếp trước đã trồng rất nhiều căn lành, rất nhiều công đức trong ruộng phước, cho nên đời này có phước báu, căn lành sâu dày. Có những chúng sinh trong đời này, không làm lành mà lại làm ác, tại sao chẳng có quả báo ác? Vấn đề này có một số người không hiểu được. Đó là vì kiếp trước họ đã trồng căn lành, đời này tuy làm ác, nhưng quả lành kiếp trước chín mùi, còn quả ác thì chưa kịp trổ. Đến khi quả ác chín mùi, họ sẽ thọ nhận quả đó. Có những chúng sinh đời này, làm lành không làm ác, nhưng lại chịu quả báo ác, đó là vì kiếp trước trồng rất nhiều nhân ác, đời này tuy đang làm lành nhưng quả ác đã trổ, phải thọ nhận, nhân lành đang gieo chưa kịp trổ quả.

Căn tính chúng sinh mỗi người đều khác nhau, do đó cảnh giới của mỗi người cũng chẳng giống nhau. Sự tham muốn của mỗi chúng sinh cũng khác biệt, có người muốn làm quan, có người muốn phát tài, có người muốn ở nhà cao cửa rộng, có người muốn chạy xe sang. Đủ thứ tham muốn về vật chất này, làm cho khí chất bẩm tính của con người mai một và che lấp trí tuệ quang minh của con người. Tất cả chư Phật, tùy theo sở thích của chúng sinh để giáo hóa họ, khiến

cho họ trồng căn lành. Có căn lành rồi thì sở thích cũng thanh tịnh, chẳng có tất cả dục niệm. Tại sao chúng ta không giải thoát được? Vì bị tài, sắc, danh, ăn, ngủ, nằm dục trói buộc. Khi nào cởi mở được sự trói buộc thì lúc đó đắc được tự tại.

Hạnh Bồ đề

Tức là hạnh nguyện giác đạo, đó là:

*Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ,
Tự tính phiền não thệ nguyện đoạn,
Tự tính pháp môn thệ nguyện học,
Tự tính Phật đạo thệ nguyện thành.*

Bồ tát đạo là hành vi quên mình cứu người, giúp người mà không đòi hỏi sự đền ơn. Phải chịu khó vun bồi công đức, khi phước tuệ đầy đủ mới gọi là thành Phật. Các hàng Bồ tát tu bồ đề, trên cầu Phật đạo, dưới cứu khổ trăm đường, cúng dường tất cả chư Phật.

Pháp thanh tịnh

Là pháp không ích kỷ, không tự lợi, không đố kỵ, không chướng ngại, không có ô nhiễm tham sân si ba thứ độc. Tất cả các đức Phật ở đời hiện tại, đều kiến lập đạo tràng. Đạo tràng tức là chỗ tu đạo. Đức Phật Thích ca nói kinh Hoa Nghiêm Đại phương Quảng Phật ở tại bảy đạo tràng:

1, Bồ đề Đạo Tràng. 2, Điện phổ Quang Minh. 3, Cung trời Đạo Lợi. 4, Cung trời Dạ Ma. 5, Cung trời Đâu Suất. 6, Cung trời Tha Hóa. 7, Rừng Thệ Đa.

Phàm là chỗ nào có giảng kinh thuyết pháp, đều gọi là đạo tràng. Giảng kinh gì thì gọi là pháp hội đó, ví như pháp hội Hoa Nghiêm, pháp hội Pháp Hoa,...

Thiền định tam muội

Thiền dịch là tĩnh lự. Tĩnh tức là chỉ tức, lự tức là tư lự. Tóm lại, thiền là ngưng bật tất cả mọi sự suy nghĩ vọng tưởng. Tam muội dịch là định. Vọng tưởng là mây trôi, chân tâm là mặt trời. Mây che lấp mặt trời, cho nên ánh sáng mặt trời không hiện được. Thiền định là gió, thổi tan sạch mây trôi. Mây bay đi rồi thì ánh sáng hiện ra. Tu thiền định tức là ngưng bật vọng tưởng, không còn vọng tưởng thì trí tuệ hiện tiền, tức cũng là khai ngộ.

Ba thứ trí tuệ gồm có: Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ.

Văn là nghe pháp có thể đắc được trí tuệ. Tư là tư duy, cũng có thể đắc được trí tuệ. Tu là tu hành, càng có thể đắc được trí tuệ. Đây là ba yếu tố trí tuệ. Ba tuệ này là hậu đắc trí, do học mà biết. Thiền định là căn bản trí sinh mà có. Ba thứ trí tuệ này phóng ra một thứ quang minh, chiếu khắp tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng được đắc. Muốn biết đã trồng nhân gì trong đời trước thì đời này quán chiếu xem mình đang gặp những cảnh gì, hưởng thụ những gì, đó là kết quả từ nhân đời trước. Nếu nhân lành sâu dày, thì ta đang gặt quả lành. Nếu trồng nhân ác, thì ta chịu quả xấu. Mỗi chúng sinh đều có tướng nghiệp báo riêng của mỗi người, chẳng ai giống ai. Người có tướng nghiệp báo loài người, trâu bò có tướng nghiệp báo trâu bò, loài nào đi với nghiệp báo loài đó.

Âm thanh của chư Phật gọi là âm viên mãn. Âm viên mãn là loại âm mà bất kỳ chúng sinh nào khi được nghe đều sẽ có cơ hội khai ngộ, chứng đạo quả, liễu thoát sinh tử, đắc được Niết bàn. Loài người, A Tu La, loài ngạ quỷ, loài địa ngục cũng đều như thế mà ngộ hiểu. Âm thanh Như Lai là không có bờ mé.

Cảnh giới khoái lạc của Thánh nhân

Tức là Niết bàn bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Sự khoái lạc này là cứu cánh. Sự khoái lạc trong thế gian là trong khổ làm vui. Sự vui sướng thế gian không nằm ngoài tiền tài, danh vọng, dục ái. Còn sự vui sướng của xuất thế gian là vui sướng chân thật, chẳng mất đi đâu, cũng tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Người có tâm sân hận thì thuộc về đường A Tu La. A Tu La thích đấu tranh, luôn luôn tranh thắng, tranh đệ nhất. Trên trời có A Tu La, ở nhân gian cũng có A Tu La. A Tu La trên trời thường tác chiến với chư Thiên. A Tu La nhân gian thường phát sinh đại chiến, dẫn đến nước này đánh nhau với nước kia, chủng tộc này đánh nhau với chủng tộc kia, tôn giáo này đánh nhau với tôn giáo kia. A Tu La có hai loại là âm và dương. A Tu La thuộc dương tức là quân đội trên thế gian, A Tu La thuộc âm là những kẻ trộm cướp bất lương. Phàm là kẻ làm ác giết hại đều là A Tu La, hoặc chúng sinh nào thích đấu tranh cũng đều gọi là A Tu La. Trong loài súc sinh và ngạ quỷ, cũng có A Tu La. Tâm sân hận của chúng rất lớn. Nếu ai ai cũng có tâm từ bi thì sẽ không có sát sinh, không có chiến tranh.

Chúng sinh có tâm cống cao ngã mạn, lớn hơn cả núi. Tu hành cần diệt trừ được bản ngã tự cao tự đại này. Phải dùng pháp môn thập lực, thì sẽ phá tan tâm ngã mạn của chúng sinh. Thập lực là mười trí tuệ lực: 1, Xứ phi xứ trí lực. 2, Tam thế nghiệp báo trí lực. 3, Thiền định giải thoát tam muội trí lực. 4, Các căn thắng liệt trí lực. 5, Chủng chủng giải trí lực. 6, Chủng chủng giới trí lực. 7, Nhất thiết chí xứ đạo trí lực. 8, Thiên nhãn vô ngại trí lực. 9, Túc mạng vô lậu trí lực. 10, Vĩnh đoạn tập khí trí lực.

Nghiệp

Nghiệp phân ra làm ba thứ:

1, Nghiệp thiện: Chúng ta tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, đó là lục độ vạn hạnh, lợi ích chúng sinh đó là nghiệp thiện.

2, Nghiệp ác: Chúng ta không tu lục độ vạn hạnh, trái lại còn làm nhiều điều ác, không lợi ích chúng sinh, chuyên làm việc tổn hại, đó là nghiệp ác.

3, Nghiệp thiện ác hỗn tạp: Tạo nghiệp thiện thì có thể sinh về cõi trời, tạo nghiệp ác thì có thể bị đọa vào địa ngục. Nếu gieo nhân thiện ác lẫn lộn, thì tùy cảnh, thuận duyên mà từng nghiệp trở tương ứng.

Chúng sinh trong tâm thường có đủ thứ tâm phan duyên. Nếu khiến được sáu căn không phan duyên với sáu trần, thì tâm sẽ thanh tịnh. Trên thế giới này, thường có 2 loại người, một là vì lợi mà phan duyên, hai là vì danh mà phan duyên. Cầu danh thì chết về danh, cầu lợi thì chết về lợi. Do như vậy mà tâm si ám, không có trí tuệ soi sáng. Trong trí tuệ soi sáng, sự khai ngộ bao quát có khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến và nhập Phật tri kiến, bốn thứ như vậy. Khai ngộ tất cả chúng sinh trí, tức là khai ngộ viên mãn tất cả chúng sinh, khiến cho họ được đắc bốn thứ tri kiến, cho nên gọi là nhất thiết trí. Nhất thiết trí tức là Phật trí.

Các môn quán Phật không chỗ có. Chúng sinh muốn quán pháp thân của Phật, dùng đủ loại phương pháp cũng không nhìn thấy Phật. Vậy nhìn không thấy Phật, phải chăng không có Phật? Không phải. Giống như chúng ta nhìn hư không, liệu có nhìn thấy hư không chăng? Không thấy. Vì hư không không có hình tướng, nhìn không thấy hư không, mà dùng đủ thứ phương tiện để cố thấy hư không ra sao, kết quả vẫn là chẳng thể nhìn thấy, nếu đã nhìn thấy một cái gì đấy thì lại chẳng còn là hư không. Pháp thân Phật cũng thế, chúng ta không nhìn thấy hư không nhưng không thể nói là chẳng có hư không. Không nhìn thấy Phật, không thể nói là không có Phật, đó là đạo lý tương đồng. Muốn đến mười phương để tìm Phật, chẳng thể được vì pháp thân Phật là vô tại, vô bất tại. Pháp thân của Phật như hư không, chỗ nào có hư không thì chỗ đó có pháp thân Phật tồn tại. Mỗi vị Phật đều ở trong vô lượng biển kiếp mà tu hành, cho nên tất cả chư Phật đều siêu việt hơn người. Vì tâm nhẫn nại của Phật lớn nhất, bất cứ gặp việc gì cũng đều nhẫn nhục được, nhẫn được những gì người khác không thể nhẫn. Bất cứ gặp việc gì cũng đều khiêm nhường. Bất cứ gặp việc gì cũng đều chịu được, chịu những gì người khác không thể chịu. Phật tu đủ thứ hạnh môn như vậy, đều tu hành viên mãn. Phật có đại nhẫn nhục, đại khiêm nhường, đại chịu đựng, đều do tu tập các hạnh mà được. Phật đại bố thí, đại trì giới, đại

nhẫn nhục, đại tinh tấn, đại thiền định, đại Bát nhã cũng do tu các hạnh mà được.

Tại sao phải tu các hạnh? Vì muốn diệt trừ tất cả vô minh, ngu si, đen tối của chúng sinh thế gian. Vô minh sinh ra tức là ngu si. Ngu si tức là đen tối. Phải diệt sạch si, ám, thì sẽ đắc được đại quang minh tạng.

Tại sao tất cả chúng ta thọ khổ? Vì do chúng ta chẳng tu phước. Tại sao Phật không còn khổ? Vì Phật tu phước tuệ trong ba đại A tăng kỳ kiếp. Phước do tích lũy từng chút từng chút mà thành. Chúng ta luôn luôn làm lợi ích cho người là tu phước, luôn luôn giúp đỡ người là tu phước, luôn luôn không ích kỷ là tu phước, luôn luôn không tự lợi là tu phước. Tóm lại, luôn luôn phải vun bồi tu phước. Phật ở trong vô lượng kiếp quá khứ xa xưa, tu các pháp môn Ba la mật.

Ba la mật dịch là báu bể ngạn, được tạm hiểu là đến bờ bên kia. Pháp ba la mật rộng lớn này, từ ba la mật nhỏ mà hạ thủ công phu, tích lũy từng chút từng chút mà thành. Ba la mật nhỏ tu nhiều rồi thì thành Ba la mật rộng lớn. Phật siêng năng tinh tấn không biếng lười. Phật tu Ba la mật thì không màng đến lớn nhỏ hoặc cao thấp, mà tất cả đều tu hết, tức là pháp vi tế nhất cũng tu, tuyệt đối không bỏ qua. Tính của nghiệp vốn chẳng có, vì chúng sinh vô minh cho nên sinh ra mê hoặc, mê mờ có rồi thì tạo nghiệp sai quấy. Khi hiểu biết thì tạo nghiệp thiện, khi hồ đồ thì gây ra nghiệp ác. Tạo nghiệp thiện cần nhân duyên thiện, tạo nghiệp ác cần nhân duyên ác. Phật vì tất cả chúng sinh thế gian, cho nên thường nói pháp nhân duyên tính của nghiệp. Khiến cho chúng sinh minh bạch nguồn gốc tính của nghiệp, nhân duyên gì thì sinh tính nghiệp đó. Bất cứ pháp gì, bản tính của nó đều thanh tịnh, chẳng có dơ bẩn.

Phần 3. Giáo lý viên mãn

Giáo lý được chia thành mấy loại như sau: Tiểu giáo, thủy giáo, chung giáo, đốn giáo, viên giáo. Tiểu, thủy, chung, ba giáo này là bán tự giáo. Đốn, viên, hai giáo này là viên mãn giáo. Căn cứ theo Thiên Thai giáo thì phân làm tạng giáo, thông giáo, biệt giáo viên giáo. Tạng, thông, hai giáo này là bán tự giáo, biệt giáo là đối với bán tự giáo nói rõ mãn tự giáo, viên giáo là mãn tự giáo. Thiên Thai giáo còn có đốn, tiệm, bí mật, bất định bốn giáo, đây thuộc về bất viên giáo. Những gì nói bây giờ là giáo lý viên mãn tức là viên giáo. Chuyển bánh xe pháp giáo lý viên mãn, tức là pháp đại thừa. Kinh điển đại thừa là gì? Như: Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Niết Bàn, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Lăng Già, Kinh Kim Cang, Kinh Di Đà,... đều là kinh đại thừa.

Khổ thế gian có ba sự khổ, tám sự khổ, vô lượng sự khổ, những sự khổ này không dễ gì tiêu diệt được. Nay kinh giải thích ba sự khổ, tám sự khổ và vô

lượng sự khổ. Ba sự khổ tức là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ

1, Khổ khổ: Là cái khổ đơn thuần. Ăn không no, mặc được đủ ấm, nơi ở thấp kém, không chốn dung thân, đó là sự khổ đơn thuần.

2, Hoại khổ: Là khổ của sự tan hoại, không bền chắc. Buôn bán bị thua lỗ, tài sản bị phá hoại, niềm vui không lâu dài, đó là khổ về sự hủy hoại.

3, Hành khổ: Khổ về sự vận hành bao vây đời sống con người, tức là quy luật sinh già bệnh chết. Trong đây gồm có tám sự khổ là: Sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh. (1), Khổ về sinh: Sinh khổ như thế nào? Khi sinh ra thì non nớt, lệ thuộc, đau đớn khôn cùng cả mẹ và con. (2), Khổ về già: Về già thì lão hóa, bệnh tật, tai điếc, mắt mờ, tay chân bủn rủn. (3), Khổ về bệnh: Bệnh thì toàn thân không tự tại. (4), Khổ về chết. (5), Khổ về ái biệt ly. Ái biệt ly là yêu thương mà phải xa lìa. Khi người thân sinh ly tử biệt thì càng đau đớn khôn nguôi. (6), Khổ về oán tăng hội: Tức là oán thù mà phải hội họp. Người mà ta không thích, hoặc ghét cay ghét đắng lại thường phải gặp. (7), Khổ cầu bất đắc. Cầu bất đắc là mong muốn, cầu ước mà không được. Con người cầu nhiều nhất là danh, lợi, nhưng chưa chắc đã toại nguyện. (8), Khổ về ngũ ấm xí thạnh. Tức cơ thể không hài hòa, đau mỗi, bệnh tật.

Vô lượng khổ tức là khổ không nói hết được. Thế giới Ta bà này đầy rẫy sự thống khổ, nhưng chúng sinh thế giới này lấy khổ làm vui, còn không muốn ra khỏi tam giới, thật đáng thương xót! Thế gian chẳng phải là 1 thứ, mà là có vô lượng vô biên thế gian, cho nên nói tất cả thế gian. Trong tất cả thế gian phân làm ba thế gian:

1, Chính giác thế gian: Tức là lúc Phật còn tại thế

2, Khí thế gian: Tức là sơn hà đại địa, tức cũng là y báo

3, Chúng sinh thế gian: Tức là thế giới chúng sinh ở, cũng được gọi là chính báo

Còn có lối nói khác, phân ra thế gian này, thế gian kia và vô lượng các thế gian. Thế giới này, thế giới kia và vô lượng thế giới. Quốc độ này, quốc độ kia và vô lượng các quốc độ, đó cũng gọi là tất cả thế gian. Chân đạo sư tức là đạo sư chỉ dẫn chân chính, cũng là đạo sư chân chính hiểu biết tất cả chân lý, chẳng có tâm ích kỷ tự lợi, là đại công vô tư, đại từ bình đẳng, giáo hóa hết thảy tất cả chúng sinh, bất cứ là thiện hay ác đều chẳng có tâm phân biệt, đều giáo hóa bình đẳng. Chúng sinh thiện thì khiến cho họ thiện căn tăng trưởng, chúng sinh ác thì khiến cho họ cải ác hướng thiện. Đức Phật chẳng bỏ một chúng sinh nào, cho nên mới là đạo sư chân chính. Phật là đạo sư xuất thế gian, hướng dẫn ta từ con đường đen tối chỉ dẫn đến con đường ánh sáng, khiến cho vô minh phiền

não của ta thành bồ đề trí tuệ, khiến cho bạn bỏ mê về giác, bỏ tà theo chính, cho nên là chân chính đại đạo sư.

Vì cứu chúng sinh mà xuất hiện. Phật xuất hiện ra đời, là vì cứu độ tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, liễu sinh thoát tử, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được chính giác, đạt được Niết bàn. Trong kinh Pháp Hoa có nói: *“Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời”*. Đại sự nhân duyên đó là sinh tử của chúng sinh. *“Khiến khắp chúng sinh được an lạc”*. Phật độ tất cả chúng sinh, không riêng gì chúng sinh thiện mới độ, mà chúng sinh ác cũng đều độ, khiến cho tất cả đều bỏ mê về giác, bỏ tà về chính. An lạc tức là chẳng có tham sân si tất cả phiền não. Khi đắc được an lạc chân chính thì sinh ra giới tâm, định tâm và tuệ tâm.

Nếu y theo pháp mà tu hành, thì sẽ đạt đến bờ bên kia không sinh không diệt. Từ tâm tham biến thành bố thí, đạt tới bờ bên kia bố thí. Từ không giữ giới mà giữ giới được, đạt tới bờ bên kia giới luật. Nguồn gốc tâm nóng giận quá lớn, vì tâm sân hận quá nặng, khi hiểu Phật pháp rồi, thì tu pháp môn nhẫn nhục, nhẫn nhục thì đối trị tâm sân. Tâm sân hận chẳng còn, thì đạt tới bờ bên kia nhẫn nhục. Nguồn gốc rất lười biếng, việc gì cũng chẳng muốn, khi hiểu Phật pháp rồi, thì tinh tấn không giải đãi, tức là đạt được bờ bên kia tinh tấn. Nguồn gốc chẳng muốn ngồi thiền vì lưng ê chân đau, chán nản, khi hiểu Phật pháp rồi thì tự động muốn tu thiền định, tức là đạt đến bờ bên kia thiền định. Nguồn gốc rất ngu si, không rõ lý sự, khi hiểu Phật pháp rồi thì siêng tụng kinh điển, nghiên cứu tạng luận, đắc được trí tuệ, đó là bờ bên kia trí tuệ.

Nếu có chúng sinh đáng được sự giáo hóa của Phật, thì khiến cho họ an vui, tiếp tục thọ trì. Nếu những chúng sinh nào không đáng được độ, tức là chúng sinh đó phạm vào ngũ nghịch mười điều ác. Ngũ nghịch tức là: Giết cha – giết mẹ – giết A la hán – làm thân Phật chảy máu – phá hòa hợp Tăng.

Mười điều ác tức là: Sát sinh – trộm cắp – tà dâm – nói dối – thêu dệt – hai lưỡi – chửi mắng – tham dục – sân hận – ngu si.

Những loại chúng sinh này không kham thọ được sự giáo hóa. Thông thường có bốn thứ sinh: 1, Sinh bằng thai, tức là có bào thai. 2, Sinh bằng trứng, tức đẻ ra quả trứng và nở từ quả trứng. 3, Sinh bằng ẩm thấp, tức các loài sinh ra ở môi trường ẩm ướt. 4, Sinh bằng biến hóa, ví như bướm.

Nói rộng hơn thì chúng sinh có chín loài: 1, Thai sinh. 2, Noãn sinh. 3, Thấp sinh. 4, Hóa sinh. 5, Có sắc. 6, Không sắc. 7, Có tướng. 8, Không tướng. 9, Chẳng có tướng, chẳng không tướng.

Trong kinh Lăng Nghiêm, tám loài đồng như ở trên, riêng còn vài loài nữa là: chẳng có sắc, chẳng không sắc, chẳng có tướng, chẳng không tướng, cộng thành mười hai loài. Thật ra đại đồng tiểu dị, nội dung chẳng khác mấy. Tâm chúng sinh như biển cả, không thể nghĩ bàn. Pháp giới tuy lớn nhưng không ra ngoài tâm của chúng sinh. Tâm chúng sinh tuy nhỏ, nhưng bao khắp pháp giới. Vì quan hệ như vậy cho nên mới nói: Tâm pháp, Phật pháp, chúng sinh pháp chẳng có sự khác nhau. Pháp giới lớn, tâm lượng chúng sinh cũng lớn, Phật tính cũng lớn, cho nên biển tâm của chúng sinh, chẳng có cách chi dùng ngôn ngữ để diễn đạt. Vì nó không thể suy nghĩ, không thể luận bàn. Tất cả nghiệp chướng có báo chướng và phiền não chướng. Nghiệp chướng tức là tạo tất cả nghiệp ác làm chướng ngại tâm tu đạo. Báo chướng tức là nghiệp đã tạo ra phải thọ quả báo, quả báo này cũng chướng ngại sự tu đạo. Làm súc sinh thì không dễ gì nghe Kinh nghe pháp, làm ngạ quỷ thì càng không dễ gì nghe được Phật pháp, những loại chúng sinh này không dễ gì tu đạo. Phiền não chướng tức là người tu đạo phiền não quá nhiều, cũng sẽ chướng ngại sự tu đạo. Tất cả chướng này đều gần với ma, nếu không cẩn thận sẽ lạc vào đường ma. Tổng trì tức là tổng thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh, trì giới định tuệ ba học viên minh. Tổng là tổng tất cả các pháp, trì là hành tất cả các pháp. Tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa. Ý nghĩa tổng trì có vô lượng vô biên sự giải thích, cho nên nói bờ mé không thể được.

Biện tài như biển cũng vô tận. Bốn biện tài vô ngại của Phật, giống như biển cả, chẳng cùng tận. Bốn vô ngại tức là bốn thứ trí biện thuyết pháp của Phật, Bồ tát. Nơi ý nghiệp là trí, nơi khẩu nghiệp là biện. Bốn vô ngại biện tài là:

- 1, Pháp vô ngại biện tài
- 2, Nghĩa vô ngại biện tài
- 3, Từ vô ngại biện tài
- 4, Lạc thuyết vô ngại biện tài

Tóm lại, tức là biện tài vô ngại, nói ngang nói dọc, nói thô, nói tế, bất cứ nói thế nào cũng đều có lý. “Chuyển được bánh xe pháp thanh tịnh”. Thường chuyển bánh xe pháp thanh tịnh không thể nghĩ bàn, phá trừ tâm ô nhiễm của chúng sinh, mà đắc được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh thì pháp tự nhiên thanh tịnh. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu, tức là:

- 1, Như Lai: Pháp thân của Phật từ đạo như thật mà đến

2, Ứng cúng: Đức Phật đoạn trừ ba hoặc và nhị tử, vạn đức phước tuệ đầy đủ, xứng đáng thọ lãnh chúng sinh trong chín pháp giới cúng dường

3, Chính Biến tri: Trí tuệ của Phật chiếu tất cả các pháp, vừa chính lại vừa khắp cùng

4, Minh Hạnh túc: Phước và tuệ của Phật đều đầy đủ. Ba minh là tuệ, năm hạnh là phước

5, Thiện thế thế gian giải: Phật tu chính đạo nhập Niết bàn, còn hiểu rõ tất cả hình trạng thế gian

6, Vô thượng sĩ: Chính giác của Phật là vô thượng, chín giới chúng sinh không thể so sánh được

7, Điều ngự trượng phu: Phật là bậc đại trượng phu, điều thuận tu chính đạo

8, Thiên nhân sư: Phật là đại đạo sư của trời người, giáo hóa hết thầy bỏ tà về chính, cải ác hướng thiện.

9, Phật: Là thánh nhân đại giác ngộ

10, Thế Tôn: Phật là người tôn quý nhất trong thế gian

Đầy đủ mười hiệu mới xứng là Phật. Vì lòng đại từ bi, cho nên Phật sử dụng pháp phương tiện, để tiếp dẫn chúng sinh. Từ bi như biển lớn, cho nên gọi phương tiện biển đại từ. Người có phước báo, do đời trước đã trồng xuống nhân công đức, cho nên đời này có tiền tài, có quyền thế giàu sang. Nếu càng bố thí làm lành, thì đời sau nhất định tốt hơn so với đời này. Nếu đời này keo kiệt không bố thí, thì đời sau nhất định không được như đời này. Thậm chí hưởng hết phước, thì không chắc được tái sinh làm người. Phật điều phục tất cả chúng sinh mà chẳng chấp trước nơi tướng. Trong kinh Kim Cang có nói: *“Phật diệt độ tất cả chúng sinh. Thật chẳng có chúng sinh được diệt độ”*

Có nghĩa là không thủ nơi tướng, độ chúng sinh mà chẳng có tướng chúng sinh, tức là chẳng chấp trước chúng sinh. Chúng ta làm việc gì, thì chấp trước vào việc đó, bố thí cho người 1 ly nước, hoặc cho người một bát cơm, thì cho rằng mình làm việc cao thượng, đó là chấp trước. Cho nên phải có tư tưởng tam luân thể không:

1, Không thấy có người bố thí, như vậy thì có thể trừ ngã chấp, tức là không có cái ta bố thí.

2, Không thấy có vật thí, như vậy thì có thể trừ san tham, tức là pháp không

3, Không thấy có người nhận, không phân biệt người thân, kẻ thù, đều bình đẳng bố thí, tức là người nhận không.

Được ba điều này đều không, thì mới là bố thí chân thật. Bằng không, nếu vì danh vì lợi, thì biến thành bố thí có tư lợi ích kỷ, là bố thí hình thức, không phải sự chân thật. Phật pháp có công năng vun bồi tưới bón, khiến cho chúng sinh chẳng có căn lành, thì trồng căn lành, đã trồng căn lành thì khiến cho tăng trưởng. Người căn lành tăng trưởng, thì khiến cho thành thực, người căn lành thành thực, thì khiến cho giải thoát, sau đó khiến cho tất cả chúng sinh, đều thành tựu Phật đạo, cho nên nói tất cả đều từ Phật sinh ra.

Đầu của Phật có hào quang, trên đỉnh đầu có nhục kế, tóc quăn xanh biếc, mắt như trắng rằm, hào quang trắng phóng quang minh, lông mi cong như trăng non, mắt sáng như gương, mũi chẳng hiện lỗ, môi đỏ như đàn, răng trắng như tuyết, bốn mươi cái răng, lưỡi dài quá mũi, tai dài gần đựng vai, toàn thân màu hoàng kim, da trơn mịn, thể thơm như bông lan, ngực có chữ Vạn, tay dài quá gối, ngón tay nhỏ dài, mu bàn chân cao dày, đi như thiên nga, tướng mã âm tàng, đầu gối tròn cứng, âm thanh vi diệu, vân vân.

Ba mươi hai tướng này đều hiếm có trong đời, tức là quý tướng. Tại sao chúng ta chẳng có những tướng này, vì kiếp trước chẳng tu phước chẳng tu tuệ, cho nên chẳng có tướng tốt như thế. Nếu muốn có tướng mạo đoan chính thì phải mau trì giới bố thí tu phước, tu tuệ mới có được tướng tốt.

Pháp tịch tĩnh

Tức là không nói cũng không truyền, nên quán sát như thế, các pháp từ duyên đến, thường đến tướng tịch tĩnh. Tướng của các pháp là tịch tĩnh, nhưng Phật hiển hiện đại thần thông, giáo hóa chúng sinh, khai thị chúng sinh, khiến cho chúng sinh đoạn trừ nghi hoặc. Cho nên Phật ở trong tịch tĩnh đạo tràng hiện ra đủ thứ thần thông. Cảm ứng đạo giao tức là: Việc sở cầu của chúng sinh, mong Phật, Bồ tát đáp ứng, toại tâm như ý, việc tâm mong muốn đều thành tựu. Cảm là cảm động, chúng sinh kiên thành cầu nguyện, hoặc tụng kinh, niệm danh hiệu Phật. Ứng là phản ứng, Phật và Bồ tát phản ứng nguyện cầu của chúng sinh, đáp ứng những sở cầu của chúng sinh. Đạo giao cũng như bật công tắc điện, chỉ cần ấn vào thì đèn bật sáng.

Hai mươi lăm cõi

Gồm có: Dục giới với mười bốn cõi, Sắc giới với bảy cõi, Vô sắc giới với bốn cõi, tổng cộng là hai mươi lăm. Mười bốn cõi Dục giới tức là:

Bốn đường ác: A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục

Bốn đại châu: Nam Thiệm Bộ Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lưu Châu.

Sáu cõi trời dục giới: Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Xoa, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại.

Sắc giới có bảy cõi tức là: Trời Sơ Thiên – Trời Nhị Thiên – Trời Tam Thiên – Trời Tứ Thiên – Trời Đại Phạm – Trời Tịnh Không – Trời Vô Tướng.

Vô Sắc Giới có bốn cõi tức là: Trời Không Vô Biên Xứ - Trời Thức Vô Biên Xứ - Trời Vô Sở Hữu Xứ - Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Phá phiền não hai mươi lăm cõi gọi là tịnh, phá nghiệp hai mươi lăm cõi gọi là ngã, phá chấp hai mươi lăm cõi gọi là lạc. Chẳng còn sinh tử hai mươi lăm cõi gọi là thường. Thường lạc ngã tịnh là bốn đức Niết Bàn. Phật nói pháp thế gian là: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, đó là pháp phương tiện. Phật nói pháp xuất thế là: thường, lạc, ngã, tịnh, đó là pháp chân thật. Vô thường là chúng sinh, thường là pháp thân. Khổ là ngoại đạo, lạc là Niết bàn. Vô ngã là sinh tử, ngã là Như Lai. Bất tịnh là hữu vi, tịnh là vô vi. Ví dụ trăng sáng là thường lạc ngã tịnh, mây đen là vô thường khổ vô ngã bất tịnh. Pháp thế gian là mây đen che mặt trăng, không thấy ánh sáng. Pháp xuất thế giống như gió mát, thổi mây bay đi hết, thì lại thấy mặt trăng chiếu sáng. Phạm phu có bốn việc điên đảo: Lấy sinh diệt vô thường, chấp làm thường. Lấy nghiệp khổ chấp làm vui. Lấy duyên giả ngã chấp trước làm ngã. Lấy phiền não nhiễm ô, chấp trước làm tịnh. Cho nên xoay vần mãi làm chúng sinh. Đấng giải thoát tức là chẳng còn mọi sự chấp trước. Không còn chấp trước mới thật sự tự tại. Không trói không buộc, không quái không ngại, không sầu không lo, không vui không giận, không bị ràng buộc, không bị vật chất lung lay, thì vượt ra khỏi tam giới, như vậy là hoàn toàn giải thoát. Nếu muốn được giải thoát thì tu đủ thứ phương tiện pháp môn, từ phương tiện pháp môn mà đạt đến tự tại, từ tự tại mới đạt được giải thoát.

Chân chính giải thoát là chẳng có tướng giải thoát, chẳng có tính giải thoát, không thể miêu tả giải thoát. Tự tại tức là tự do tự tại, tuyệt đối không miễn cưỡng. Phương tiện tức là quán cơ đầu giáo, vì người thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc. Nhiếp tức là nhiếp thọ, giống như nam châm hút sắt. Nhiếp có hai lối giải thích:

1, Triết nhiếp: Là dùng pháp môn mãnh liệt để triết phục những chúng sinh khó điều phục

2, Từ nhiếp: Là dùng tâm từ bi đi nhiếp thọ, khiến cho chúng sinh tự động đến tín tâm Phật pháp, đến thấu hiểu Phật pháp, đến thực hành Phật pháp mà chúng đắc Phật quả.

Quán sát phân làm hai thứ:

1, Quán sát trong định: Tức là ở trong thiền định quán sát nhân duyên chúng sinh, nên nói pháp gì để khiến cho họ đắc được lợi ích.

2, Quán sát khi xuất định: Tức là dùng trí tuệ ở quán sát chúng sinh, nên dùng pháp phương tiện gì để giáo hóa? Thì dùng pháp phương tiện đó. Trước thì dùng sức thần thông để quán sát, sau thì dùng sức trí tuệ để quán sát.

Hai thứ quán sát này phải là người chứng quả vị mới làm được. Thấy quả thì biết nhân, quán nhân thì biết được quả. Cảnh giới của chúng sinh thì phiền não, tịnh náo, điên đảo. Cảnh giới của chư Phật thì thanh tịnh, vô vi mà vô bất vi. Làm thế nào có thể đạt đến được cảnh giới chư Phật? Duy chỉ có 1 pháp môn, đó là học tập Phật pháp, tu hành Phật pháp. Chúng sinh hữu tình thế gian ưu sầu khổ não, nhiều như nước trong biển lớn, vừa rộng lớn, vừa thâm sâu. Biển khổ vô biên, phải quay đầu tức là giác ngộ, giác ngộ tức là đến bờ giải thoát. Bờ tức là cảnh giới của Phật, đến được đây thì chẳng còn biển ưu khổ nữa. Làm thế nào để quay đầu? Tức là buông xả. Buông xả hết tất cả, buông xả được thì đắc được tự tại. Tại sao có ưu khổ? Vì buông bỏ chẳng được. Tại sao buông bỏ chẳng được? Vì nhìn không thấu được. Tại sao nhìn không thấu được? Vì chẳng có trí tuệ. Tại sao không có trí tuệ? Vì chẳng tu đạo. Cho nên trước hết phải tu đạo, sau mới có trí tuệ, có trí tuệ rồi thì nhìn thấu hết mọi sự mọi vật, nhìn thấu rồi thì buông bỏ mới được. Buông bỏ được thì chẳng còn ưu bi phiền não. Phật hoàn toàn tiêu diệt trừ sạch biển ưu khổ của chúng sinh, một chút ưu sầu khổ não cũng chẳng còn. Phật dùng từ bi giáo hóa chúng sinh, thương xót độ khắp chúng sinh, dùng đủ thứ phương tiện pháp môn để giúp đỡ chúng sinh. Chúng ta là người tu đạo, đối với tất cả chúng sinh nên có tâm từ bi, ban vui cho chúng sinh, cứu khổ chúng sinh, và nên có tâm thương xót, đồng khổ với chúng sinh, đáng thương nỗi khổ của chúng sinh, tìm cách giải trừ nỗi khổ của chúng sinh. Người tu đạo trước hết phải có tâm từ bi thương xót, nếu không, bất cứ tu hành gì cũng không thể thành tựu, bất quả chỉ là liễu hán mà thôi.

Thân của Phật thanh tịnh không gì sánh bằng. Vì Phật trừ hết sạch mọi nhiễm ô, cũng trừ khử sạch tham sân si, chỉ tồn tại giới định tuệ, cho nên thân Phật thanh tịnh. Chúng sinh đều hoan hỉ thấy pháp thân thanh tịnh. Thân chúng sinh thì ô trược. Tại sao? Vì chẳng trừ khử tam độc tham sân si, cho nên không thanh tịnh. Thân Phật thanh tịnh, do đó chúng sinh không những thích thấy pháp thân của Phật, mà còn cung kính cúng dường thân Phật.

Đại trí tức là trí tuệ Bát nhã. Phương tiện cũng là trí tuệ Bát nhã. Phương tiện pháp môn có vô lượng vô biên. Đối với mỗi căn cơ của chúng sinh, có bao nhiêu loại chúng sinh thì có bấy nhiêu loại pháp môn. Những phương tiện pháp môn này là đạo giáo hóa tất cả chúng sinh, giáo hóa chúng sinh phải xem nhân duyên chúng sinh. Loại chúng sinh nào, thì dùng phương tiện pháp môn đó để giáo hóa, do đó, theo bệnh cho thuốc, thì mới có công hiệu. Vì người mà thuyết pháp, pháp vốn không pháp, căn bản chẳng có pháp để nói, nhưng theo phương tiện, mà có pháp để nói. Tâm niệm tư tưởng của chúng sinh đều khác nhau, cho nên nói pháp khác nhau. Khiến cho chúng sinh vào giác đạo thù thắng, tu hành hạnh môn chân thật. Chẳng phải nói ở đầu miệng mà là thật hành. Có người giảng được vài quyển kinh, hoặc là ngồi thiền, hoặc là dịch kinh, bèn cống cao ngã mạn, cho rằng ta có sự tu hành. Tư tưởng này là sai lầm, nên biết chân thật tu hành thì phải đạo đức chân thật, học vấn chân thật.

Tâm người tu đạo chúng ta, tại sao không kiên cố? Vì nghiệp chướng quá nặng, cho nên chướng ngại tâm tu đạo. Chướng có 4 thứ: 1, Nghiệp chướng. 2, Báo chướng. 3, Phiền não chướng. 4, Sở tri chướng.

Nghiệp chướng tức là: Nghiệp ác tạo ra, che lấp chướng ngại trí tuệ. Báo chướng tức là nghiệp tạo ra trong quá khứ, cho đến đời nay phải thọ quả báo. Phiền não chướng tức là khởi nóng giận, không nhẫn nhục và chẳng có định lực. Tại sao chẳng khai ngộ? Vì sao không thể giải thoát? Vì có phiền não chướng. Sở tri chướng tức là mình cảm thấy sự hiểu biết của mình nhiều hơn so với người khác, việc làm đều đúng so với người khác, đó là sở tri chướng. Bất cứ phiền não chướng hoặc là sở tri chướng đều nặng như núi, che lấp chướng ngại sự khai ngộ, cho nên không thể được giải thoát.

\Dục niệm của chúng sinh vô lượng như biển lớn. Có người muốn làm thủ lĩnh, đó là dục thủ lĩnh, có người muốn làm phú ông, đó là dục phú ông, hai thứ dục này là dục giàu sang. Có người muốn có danh vọng tốt, đó là dục danh vọng. Có người khen họ, thì trong tâm họ cảm thấy ngọt hơn so với mật ong, có người phỉ báng họ thì trong tâm cảm thấy đắng hơn ăn thuốc. Có người muốn y phục cao sang, vật ngon của lạ, có nhà tầng cao, xe đắt tiền,... tất cả đều là ham muốn dục lạc trần thế cả. Ngoài ra, còn có thứ dục nam nữ không dễ gì đoạn trừ. Do đó, chúng sinh trôi đi lẫn lộn trong biển dục, trôi từ đây sang kia, lẫn lộn từ đó về đây. Tu đạo là đoạn trừ năm dục. Tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Tu hành viên mãn thì thăng đi lên, không viên mãn thì đọa đi xuống, tư hào không sai được, đại công vô tư, mọi người đều bình đẳng. Chúng sinh bức bách trong các cõi. Các cõi tức là cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới. Tất cả chúng sinh do duyên giả hợp mà sinh, đều luân hồi trong tam giới, phiêu bạt chẳng khi nào dừng, cho nên bị các cõi bức bách. Vì ba thứ hoặc, mà đi tạo nghiệp

1, Kiến tư hoặc: Kiến hoặc là những kiến giải không chính đáng, do đó thấy cảnh sinh ra tham ái, người tham tiền tài thì thích tiền tài, tham sắc đẹp thì thích sắc đẹp, tham danh lợi thì thích danh lợi. Tư hoặc là những tâm tư phiền não, do đó mê lý thì sinh phân biệt. Đối với lý không minh bạch, thì sinh ra tâm phân biệt.

2, Trần sa hoặc: Không rõ sự lý, không biết trái phải tức là mê hoặc. Thứ mê hoặc này nhiều như vi trần hà sa, nên gọi là trần sa hoặc.

3, Vô minh hoặc: Vì vô minh mới có mê hoặc, thứ mê hoặc này chướng ngại đạo lý chân thật, vô minh hoặc là hoặc căn bản.

Tạo nghiệp và thọ báo

Vì không minh bạch đạo lý, nên tạo nghiệp sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Như vậy là tạo 3 nghiệp thân khẩu ý, tức cũng là gây nên 10 điều ác. Tạo nghiệp sát sinh thì phải chịu thọ báo sát sinh, tạo nghiệp trộm cắp thì phải chịu thọ báo trộm cắp, tạo nghiệp tà dâm, nói dối, uống rượu thì phải chịu thọ quả báo tà dâm, nói dối, uống rượu. Tóm lại, tạo nghiệp gì, thì phải thọ báo nghiệp đó, tơ hào không sai được. Sự tạo nghiệp của mỗi người, trong một đời rất phức tạp, rộng lớn như biển, cho nên bị sóng gió nghiệp thổi đi thổi lại ở trong biển nghiệp, trôi dạt khi thì chịu khổ, lúc thì bị họa, chẳng ai cứu vớt được ngoài mình. Nghiệp chướng tới từ thân khẩu ý ba nghiệp bất tịnh. Thân có ba nghiệp ác, tức là: sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Miệng có bốn ác là: nói dối, nói thêu dệt, chửi mắng, nói hai lưỡi. Ý có ba nghiệp ác là tham, sân, si.

1, Sát sinh: Tức là tước đoạt sinh mạng chúng sinh khác

2, Trộm cắp: Không được sự đồng ý của người mà lấy vật của người

3, Tà dâm: Hành vi không chính đáng ngoài vợ chồng.

4, Nói dối: Tức là nói không thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có.

5, Thêu dệt: Tức là nói lời dơ bẩn, dựng chuyện

6, Chửi mắng: Nói lời nặng nề, đe dọa, làm người khác sợ hãi

7, Hai lưỡi: Nói hai chiều, khen trước mặt, chê sau lưng, nói xấu người này với người kia, nói xấu người kia với người này.

8, Tham: Xan tham, không có điểm dừng, chỉ tự lợi ích kỷ, không bố thí, không vì lợi ích người.

9, Sân: Tức là sân hận, nóng giận

10, Si: Là ngu si, si mê

Phật vì chúng sinh mà thuyết pháp. Giống như mưa, tưới cho cây cỏ khô cần được mát mẻ, được trưởng dưỡng. Phật dùng tất cả trí tuệ, diễn nói đạo lý vượt khỏi hồng trần, tức cũng là pháp môn thoát khỏi ba cõi. Phật thấy người hạ căn, thì nói pháp về nhân quả nhân duyên, người trung căn thì nói pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thấy người thượng căn thì nói pháp Bồ tát lục độ vạn hạnh,. Đức Phật xuất hiện ở đời, duy chỉ có 1 mục đích là khiến cho tất cả chúng sinh là khổ được vui.

Người xuất gia vớt bỏ 5 dục

- 1, Không tham tài
- 2, Không tham sắc
- 3, Không cầu danh
- 4, Không ăn thịt
- 5, Không ngủ nhiều

Sống đời đạm bạc. Phật giáo đề xướng tinh thần hơn hẳn vật chất, tinh thần là tư lương tu đạo, còn vật chất dễ đẩy ta đi tạo ác nghiệp.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 02.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.